

Số: 12 /2009/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2009

## THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số nội dung trong cho vay có bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn của ngân hàng thương mại ban hành theo Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg và Quyết định số 60/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội;

Căn cứ Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn của ngân hàng thương mại;

Căn cứ Quyết định số 60/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn của ngân hàng thương mại,

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số nội dung trong cho vay của các ngân hàng thương mại đối với các doanh nghiệp có bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển Việt Nam như sau:

### **Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh**

1. Các ngân hàng thương mại thực hiện việc cho vay đối với các doanh nghiệp được Ngân hàng Phát triển Việt Nam bảo lãnh theo Quy chế bảo lãnh

cho doanh nghiệp vay vốn ngân hàng thương mại ban hành kèm theo Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 và được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 60/2009/QĐ-TTg ngày 17/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Quy chế bảo lãnh) bao gồm: Ngân hàng thương mại Nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam, ngân hàng 100% vốn nước ngoài (gọi chung là ngân hàng thương mại).

2. Doanh nghiệp được ngân hàng thương mại cho vay vốn là doanh nghiệp được Ngân hàng Phát triển Việt Nam bảo lãnh, thuộc đối tượng được bảo lãnh vay vốn và thuộc phạm vi bảo lãnh vay vốn theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Quy chế bảo lãnh.

3. Ngân hàng thương mại cho doanh nghiệp vay vốn theo quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001, Quyết định số 09/2008/QĐ-NHNN ngày 10/4/2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và các quy định hiện hành có liên quan, với các hình thức cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ tự do chuyển đổi. Việc thẩm định các điều kiện vay vốn thực hiện theo quy định tại khoản 7, Điều 2 Quyết định số 60/2009/QĐ-TTg ngày 17/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định 60).

## **Điều 2. Lãi suất cho vay**

1. Các ngân hàng thương mại căn cứ vào cơ chế điều hành lãi suất hiện hành, tình hình nguồn vốn, khả năng tài chính, mặt bằng lãi suất cho vay trên thị trường trong từng thời kỳ, điều kiện thực tế của doanh nghiệp và chính sách khách hàng của mình để xem xét, quyết định mức lãi suất cho vay phù hợp, bảo đảm tính ưu đãi về lãi suất cho vay thực tế đối với doanh nghiệp, hỗ trợ các doanh nghiệp hạ thấp chi phí sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển.

2. Các khoản cho vay của ngân hàng thương mại được Ngân hàng Phát triển Việt Nam bảo lãnh nếu thuộc diện được hỗ trợ lãi suất thì thực hiện đúng theo quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

## **Điều 3. Quy trình và trách nhiệm của ngân hàng thương mại trong một số trường hợp cụ thể**

1. Chậm nhất sau 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ vay vốn của doanh nghiệp và văn bản thông báo chấp thuận bảo lãnh vay vốn cho doanh nghiệp của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, ngân hàng thương mại xem xét và ký Hợp đồng tín dụng với doanh nghiệp nếu doanh nghiệp đáp ứng đủ các điều kiện vay vốn. Trường hợp từ chối ký Hợp đồng tín dụng, ngân hàng thương mại

phải có văn bản trả lời doanh nghiệp, đồng gửi Ngân hàng Phát triển Việt Nam, nêu rõ lý do từ chối ký Hợp đồng tín dụng.

2. Ngân hàng thương mại thực hiện giải ngân vốn vay cho doanh nghiệp sau khi nhận được Hợp đồng bảo lãnh vay vốn (Bản chính) ký kết giữa doanh nghiệp với Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Chứng thư bảo lãnh do Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành có nội dung phù hợp với các nội dung quy định trong Hợp đồng tín dụng đã được ký với doanh nghiệp. Trường hợp các văn bản này có những nội dung không phù hợp, ngân hàng thương mại có quyền đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét, đối chiếu và chỉnh sửa cho phù hợp trước khi thực hiện giải ngân vốn vay.

3. Ngân hàng thương mại có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra, giám sát chặt chẽ quy trình vay vốn, sử dụng vốn vay, tài sản hình thành từ vốn vay và hoàn trả nợ vốn vay của doanh nghiệp nhằm đảm bảo doanh nghiệp sử dụng vốn vay đúng mục đích, an toàn và hiệu quả. Trường hợp doanh nghiệp gặp khó khăn tạm thời trong sản xuất kinh doanh và có văn bản đề nghị ngân hàng thương mại điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ thì các ngân hàng thương mại căn cứ điều kiện thực tế, căn cứ quy định pháp luật hiện hành thực hiện việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ cho doanh nghiệp, nhưng phải đảm bảo an toàn hiệu quả vốn vay và phù hợp với thời hạn bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển Việt Nam đối với khoản vay.

#### **Điều 4. Phối hợp giữa ngân hàng thương mại và Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh**

1. Sau một ngày làm việc kể từ khi đến kỳ hạn trả nợ hoặc thời hạn trả nợ mà khách hàng không trả được nợ theo đúng thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng, ngân hàng thương mại có văn bản gửi Ngân hàng Phát triển Việt Nam yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo đúng cam kết trong Chứng thư bảo lãnh.

2. Trường hợp Ngân hàng Phát triển Việt Nam từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định tại Quy chế bảo lãnh, sau một ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, ngân hàng thương mại phải có văn bản đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện các thủ tục bàn giao tài sản thế chấp bảo đảm bảo lãnh (theo quy định tại khoản 5, Điều 2 Quyết định 60) để ngân hàng thương mại thực hiện việc xử lý, thu hồi nợ theo quy định hiện hành của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

#### **Điều 5. Thực hiện báo cáo**

1. Hàng tháng, Ngân hàng Phát triển Việt Nam tổng hợp tình hình bảo lãnh cho các doanh nghiệp vay vốn của ngân hàng thương mại theo Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg ngày 21 tháng 1 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ



(Quyết định 14) và gửi về Ngân hàng Nhà nước (Vụ Tín dụng) theo Biểu 01 đính kèm.

2. Hàng tháng, các ngân hàng thương mại tổng hợp tình hình cho vay đối với các doanh nghiệp có bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo Quyết định số 14 và gửi về Ngân hàng Nhà nước (Vụ Tín dụng) theo Biểu 02 đính kèm.

### **Điều 6. Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện**

Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra, giám sát các ngân hàng thương mại trong hoạt động tín dụng đối với doanh nghiệp để đảm bảo hoạt động cho vay các doanh nghiệp được Ngân hàng Phát triển Việt Nam bảo lãnh đạt hiệu quả và đúng quy định.

### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Trách nhiệm của ngân hàng thương mại:**

- Phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong tổ chức thực hiện quy định của Thủ tướng Chính Phủ về cho vay các doanh nghiệp được Ngân hàng Phát triển Việt Nam bảo lãnh và Thông tư này.

- Triển khai cụ thể việc thực hiện cho vay có bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Xây dựng và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ cụ thể để đáp ứng được yêu cầu trong cho vay có bảo lãnh theo các quy định tại Quyết định số 14 và Quyết định số 60, đảm bảo chặt chẽ, an toàn tài sản, đúng pháp luật.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các ngân hàng thương mại tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền để được xem xét giải quyết.

#### **2. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước:**

- Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thực hiện việc thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm đối với các ngân hàng thương mại và khách hàng vay theo quy định của pháp luật trong hoạt động cho vay các doanh nghiệp có bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển Việt Nam để đảm bảo hoạt động vay vốn của doanh nghiệp đúng quy định, an toàn và có hiệu quả.

- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc kiểm tra, giám sát và thanh tra theo thẩm quyền đối với các ngân hàng thương mại trên địa bàn trong hoạt động cho vay các doanh nghiệp có bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, đề xuất với Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xử lý các vấn đề phát sinh.

- Vụ Tín dụng có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo, tham mưu cho Thống đốc NHNN để xử lý các khó khăn vướng mắc (thuộc thẩm quyền) trong quá trình thực hiện Quyết định số 14, Quyết định số 60 và Thông tư này.

### **Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ~~11~~ tháng 7 năm 2009.

2. Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) ngân hàng thương mại, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, doanh nghiệp vay vốn chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. *B*

#### **Nơi nhận:**

- Như khoản 2 Điều 8;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Bộ Tài chính (để phối hợp);
- NHPT VN (để thực hiện);
- Công báo;
- Website NHNN;
- Lưu: VP, Vụ TD.

**KT. THÔNG ĐỐC  
PHÓ THÔNG ĐỐC**



**NGUYỄN ĐỒNG TIẾN**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BẢO LÃNH CHO CÁC DOANH NGHIỆP VAY VỐN CỦA  
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI THEO QĐ 14/2009/QĐ-TTG NGÀY 21/01/2009  
Tháng..... Năm.....**

*Đơn vị : Triệu đồng, nghìn USD.*

STT	Tên loại hình kinh tế	Số doanh nghiệp được chấp thuận bảo lãnh		Tổng số tiền thông báo chấp thuận bảo lãnh		Doanh số thực hiện cấp bảo lãnh trong kỳ báo cáo		Số dư bảo lãnh cuối kỳ		Số tiền NHPT trả thay lũy kế đến kỳ báo cáo		Số tiền NHPT từ chối trả thay lũy kế đến ngày báo cáo	
		Trong kỳ b/c	Lũy kế	VNĐ	USD	VNĐ	USD	VNĐ	USD	VNĐ	USD	VNĐ	USD
1	DN nhà nước trung ương												
2	DN nhà nước địa phương												
3	Công ty TNHH nhà nước												
4	Công ty TNHH tư nhân												
5	Công ty cổ phần nhà nước												
6	Công ty cổ phần khác												
7	Công ty hợp danh												
8	DN tư nhân												
9	DN có vốn đầu tư nước ngoài												
10	Kinh tế tập thể												
<b>Tổng</b>													

....., ngày.....tháng.....năm 2009

Lập bảng:

Kiểm soát

Tổng giám đốc

**Hướng dẫn tổng hợp và gửi báo cáo:**

- Đối tượng báo cáo: Ngân hàng Phát triển Việt Nam tổng hợp số liệu hàng tháng của toàn hệ thống để gửi báo cáo cho NHNN (Vụ Tín dụng).
- Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Tín dụng - Ngân hàng Nhà nước (email: phongttbl@sbv.gov.vn;ĐT: 04-38250608 fax: 04-38256626).
- Các loại ngoại tệ tự do chuyển đổi khác quy ra USD theo tỷ giá giao dịch của NHPT do NHNN công bố tại thời điểm báo cáo.
- Các loại hình kinh tế: Được phân loại theo quy định tại Quyết định số 477/2004/QĐ-NHNN ngày 28/04/2004 của Thống đốc NHNN.
- Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất vào ngày 10 tháng tiếp theo tháng báo cáo.
- Đề nghị ghi rõ họ tên và số điện thoại người lập bảng.
- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phản ánh kịp thời bằng văn bản hoặc qua số điện thoại: 04-38250608; fax: 04-38256626.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHO VAY CÁC DOANH NGHIỆP CÓ BẢO LÃNH CỦA  
NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM THEO QĐ 14/2009/QĐ-TTG NGÀY 21/01/2009**

Tháng..... Năm.....

Đơn vị: Triệu đồng, nghìn USD.

STT	Địa bàn	Số doanh nghiệp được chấp thuận cho vay		Tổng số tiền ký Hợp đồng tín dụng		Số tiền giải ngân trong kỳ báo cáo		Dư nợ cuối kỳ		Số tiền NHPT trả thay lũy kế đến kỳ báo cáo		Số tiền NHPT từ chối trả thay lũy kế đến ngày báo cáo	
		Trong kỳ b/c	Lũy kế	VNĐ	USD	VNĐ	USD	VNĐ	USD	VNĐ	USD	VNĐ	USD
1	Tỉnh, thành phố A												
2	Tỉnh, thành phố B												
3	Tỉnh, thành phố C												
4	Tỉnh, thành phố D												
5	Tỉnh, thành phố E												
...													
<b>Tổng</b>	(1) + (2) + (3) +... +(6)												

....., ngày.....tháng.....năm...

Lập bảng:

Kiểm soát

Tổng Giám đốc

**Hướng dẫn tổng hợp và gửi báo cáo:**

- Đơn vị gửi báo cáo: Hội sở chính các ngân hàng thương mại tổng hợp số liệu hàng tháng của toàn hệ thống phân theo địa bàn và gửi báo cáo cho NHNN (Vụ Tín dụng).
- Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Tín dụng - Ngân hàng Nhà nước (email: phongttbl@sbv.gov.vn;ĐT: 04-38250608 fax: 04-38256626).
- Các loại ngoại tệ tự do chuyển đổi khác quy ra USD theo tỷ giá giao dịch của NHTM do NHNN công bố tại thời điểm báo cáo.
- Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất vào ngày 10 tháng tiếp theo tháng báo cáo.
- Đề nghị ghi rõ họ tên và số điện thoại người lập bảng.
- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phản ánh kịp thời bằng văn bản hoặc qua số điện thoại: 04-38250608; fax: 04-38256626.